

Thanh Hóa, ngày 24 tháng 7 năm 2020

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Quy định Công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng được miễn trừ khi học chương trình đào tạo tại Trường Đại học Hồng Đức**

### **HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**

Căn cứ Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg ngày 31/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BGDĐT ngày 15/3/2017 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế đào tạo vừa làm vừa học trình độ đại học; Thông tư 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07/5/2020 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; Tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Thông tư số 18/2015/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH ngày 18/9/2015 của Bộ GD&ĐT và Bộ LĐTB&XH về việc ban hành Quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học GDQP&AN trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học; Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT, ngày 18 tháng 3 năm 2020 của GD&ĐT về việc ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Công văn số 3056/BGDĐT-GDDH ngày 19/7/2019 của Bộ GD&ĐT về hướng dẫn thực hiện chương trình, giáo trình các môn Lí luận chính trị;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-ĐHHD ngày 24/6/2020 của Chủ tịch Hội đồng Trường về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ Quyết định số 2008/QĐ-ĐHHD ngày 06/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Giáo dục Thường xuyên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Quy định Công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng được miễn trừ khi học chương trình đào tạo tại Trường Đại học Hồng Đức (có Quy định kèm theo).



**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, bãi bỏ những nội dung quy định trước đây trái với quy định này.

**Điều 3.** Các ông (bà) Trưởng các đơn vị, giảng viên và người học chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Lưu: VT, GDTX.



**Q. HIỆU TRƯỞNG**

**Hoàng Nam**

Thanh Hoá, ngày 24 tháng 07 năm 2020

## **QUY ĐỊNH**

**Về việc công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng được miễn trừ khi học chương trình đào tạo tại Trường Đại học Hồng Đức**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1087/QĐ-ĐHHD ngày 24 tháng 07 năm 2020  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

### **Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng**

1. Văn bản này Quy định về xét và công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng được miễn trừ khi học chương trình đào tạo tại Trường Đại học Hồng Đức (sau đây gọi là xét miễn và công nhận điểm học phần).

**2. Đối tượng áp dụng:** Quy định này áp dụng đối với người học các bậc, hình thức đào tạo tại Trường Đại học Hồng Đức.

### **Điều 2. Chương trình đào tạo (CTĐT)**

1. Nhà trường xây dựng CTĐT cho từng ngành, bậc đào tạo và quy định cụ thể trong kế hoạch đào tạo của từng khóa học; CTĐT thực hiện theo hệ thống tín chỉ.

Người học phải đăng ký học tích lũy đủ các học phần có trong CTĐT đang áp dụng tại Trường Đại học Hồng Đức sau khi được miễn trừ các học phần đã được công nhận giá trị chuyển đổi và bảo lưu kết quả học tập.

#### **2. Tổ chức thực hiện CTĐT**

Đầu mỗi khóa học, đơn vị quản lý đào tạo (phòng quản lý đào tạo (QLĐT), phòng quản lý đào tạo sau đại học (QLĐTSDH), Trung tâm Giáo dục Thường xuyên (GDTX) phối hợp với các khoa đào tạo tham mưu cho Hiệu trưởng ban hành Kế hoạch đào tạo toàn khoá theo từng lớp, ngành đào tạo; Quyết định miễn giảm khối lượng kiến thức, công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập cho người học.

Đầu mỗi học kỳ, căn cứ vào quyết định miễn giảm khối lượng kiến thức, kế hoạch đào tạo toàn khoá, đơn vị quản lý đào tạo phối hợp với các khoa đào tạo xây dựng kế hoạch dạy học theo từng học kỳ để người học đăng ký môn học.

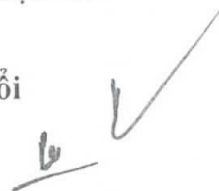
Tổ chức lớp học theo một trong hai hình thức lớp: Lớp ngành (theo khóa tuyển sinh) và lớp học phần:

- Lớp ngành được tổ chức theo khóa tuyển sinh và theo ngành đào tạo.

- Lớp học phần được tổ chức theo từng học phần căn cứ vào số người học đăng ký (có thể cùng hoặc khác ngành, cùng hoặc khác khóa tuyển sinh). Số lượng người học tối thiểu theo quy định đào tạo theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Nhà trường.

### **Điều 3. Nguyên tắc và bảo lưu kết quả điểm các học phần được chuyển đổi**

**1. Quy định chuyển đổi từ đơn vị học trình sang tín chỉ**



Trước khi thực hiện việc xét miễn giảm khối lượng kiến thức, kỹ năng được miễn trừ phải quy đổi từ đơn vị học trình sang tín chỉ (*đối với những trường hợp đào tạo theo niên chế, nếu có*), căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Quy chế 43/2017/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ GD&ĐT và Nhà trường hướng dẫn chuyển đổi như sau:

**Bảng chuyển đổi từ đơn vị học trình sang tín chỉ**

TT	Số đơn vị học trình	Số tín chỉ quy đổi
1	3	2
2	4	3
3	5-6	4

**2. Quy đổi điểm từ hệ 10 sang điểm chữ (hệ 4)**

Việc thực hiện quy đổi điểm từ hệ 10 sang điểm chữ và hệ 4 thực hiện theo quy định dưới đây:

Điểm số (theo hệ 10)	Điểm chữ	Điểm số (theo hệ 4)
8,5 - 10	A	4,0
7,8 - 8,4	B <sup>+</sup>	3,5
7,0 - 7,7	B	3,0
6,2 - 6,9	C <sup>+</sup>	2,5
5,5 - 6,1	C	2,0
4,8 - 5,4	D <sup>+</sup>	1,5
4,0 - 4,7	D	1,0
Dưới 4,0	F	0,0

**3. Nguyên tắc bảo lưu kết quả điểm học phần**

- Căn cứ CTĐT ngành hiện hành đối chiếu với kết quả học tập của người học ở các CTĐT trước để xét miễn và công nhận điểm học phần cho người học và xác định các học phần, nội dung phải học của từng người học.

- Chỉ xem xét và công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức được miễn trừ các học phần trong CTĐT sẽ học mà trong CTĐT trước người học đã tích lũy được có nội dung và khối lượng **bằng hoặc lớn hơn**; kết quả học tập học phần được miễn phải đạt từ 5 điểm trở lên (theo hệ 10) hoặc từ điểm D (theo tín chỉ) và phải có hồ sơ hợp lệ.

- Học phần đã tích lũy ở trình độ trước có khối lượng kiến thức và số *tín chỉ lớn hơn* thì có thể quy đổi thành 2 hay nhiều học phần tại chương trình đại học chính quy hiện hành của nhà trường (đảm bảo tổng số tín chỉ các học phần được quy đổi không lớn hơn số tín chỉ học phần tích lũy ở chương trình trước). Điểm của các học phần được miễn là điểm của học phần đã học.

- Nếu có 1 học phần được xét miễn từ 2 học phần trở lên đã học thì điểm của học phần được xét miễn là trung bình có trọng số của điểm các học phần đã học (trọng số là số tín chỉ hoặc số đơn vị học trình của các học phần đã học).

*lu* ✓

- Học phần có tên không trùng với tên học phần trong CTĐT hiện hành của Nhà trường, nhưng có nội dung và thời lượng tương đương thì được xét miễn.

- Những học phần đã tích lũy ở CTĐT trước có khối lượng kiến thức, kỹ năng tương đương nhưng số tín chỉ quy đổi đạt từ 60% đến dưới 100% so với tín chỉ của học phần được quy đổi thì tích hợp với học phần khác để đảm bảo điều kiện quy đổi hoặc người học phải học bù đủ số tín chỉ còn lại của học phần đó. Hình thức học đối với tín chỉ bù có thể lên lớp hoặc làm bài tập lớn, tiểu luận, đồ án... để bổ sung kiến thức. Điểm học phần này được tính theo công thức:

$$A = \frac{x_1 \cdot a_1 + x_2 \cdot a_2}{a_1 + a_2}$$

Trong đó:  $A$  là điểm học phần mới được quy đổi;  $x_1$  là điểm học phần quy đổi;  $a_1$  là số tín chỉ quy đổi;  $x_2$  là điểm học phần bổ sung;  $a_2$  là số tín chỉ bổ sung.

Đối với phần kiến thức bổ sung, căn cứ vào kết quả xét miễn giảm khối lượng kiến thức cho người học khoa đào tạo lập kế hoạch đề xuất Ban Giám hiệu qua đơn vị quản lý đào tạo, phòng Kế hoạch tài chính để xem xét, phê duyệt kế hoạch. Kế hoạch bổ sung kiến thức được thực hiện sau khi sinh viên nhập học (học kỳ đầu tiên của khóa đào tạo) và thực hiện theo nguyên tắc lấy thu bù chi.

Kết quả xét miễn và công nhận điểm học phần được ghi trong phụ lục văn bằng của toàn khóa học (trừ các học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh; Giáo dục thể chất)

#### **Điều 4. Hướng dẫn xét miễn và công nhận điểm học phần**

##### **1. Phần kiến thức giáo dục đại cương**

Việc xét miễn các học phần khối kiến thức giáo dục đại cương trong CTĐT dựa trên các học phần tương đương và các học phần thay thế của người học đã tích lũy ở CTĐT trước. Đối với người học nếu đã tích lũy các học phần ở CTĐT trước có cùng nội dung và khối lượng kiến thức tương đương thì được xét miễn và bảo lưu kết quả điểm học phần. Những học phần thay thế (khác tên, mã học phần,..) phải có số tín chỉ, nội dung kiến thức tương đương trong cùng khối kiến thức, kỹ năng.

##### **1.1. Đối với môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQP&AN)**

Môn học GDQP&AN thực hiện theo chương trình GDQP&AN trình độ đại học, cao đẳng của Bộ GD&ĐT, đối tượng được xét miễn, giảm các học phần GDQP&AN như sau:

##### **1.1.1. Đối tượng được miễn học môn học GDQP&AN**

a) Người học có giấy chứng nhận sĩ quan dự bị hoặc bằng tốt nghiệp do các trường quân đội, công an cấp;

b) Người học đã có chứng chỉ GDQP&AN tương ứng với trình độ đào tạo;

c) Người học là người nước ngoài.

d) Người học có bằng tốt nghiệp cao đẳng, đại học đào tạo theo hình thức chính quy.

##### **1.1.2. Đối tượng được miễn học, các nội dung thực hành kỹ năng quân sự**

*lu* ✓

a) Người học là người khuyết tật, có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của pháp luật về người khuyết tật;

b) Người học không đủ sức khỏe về thể lực hoặc mắc những bệnh lý thuộc diện miễn làm nghĩa vụ quân sự theo quy định hiện hành;

c) Người học đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, công an nhân dân.

1.1.3. Đối tượng được miễn học, miễn thi các môn học, nội dung trong trong chương trình GDQP&AN gồm: người học có giấy xác nhận kết quả học tập các môn học, nội dung đạt từ 5 điểm trở lên (*theo hệ điểm 10*).

1.1.4. Người học đã học nhưng chưa đủ kiến thức của các học phần GDQP&AN thì phải học bù các học phần còn thiếu để được công nhận hoàn thành kiến thức GDQP&AN và được cấp Chứng chỉ GDQP&AN (*phụ lục 2*).

Căn cứ vào hồ sơ của người học Trung tâm GDQP&AN có nhiệm vụ thanh lập tổ xét miễn, giảm các học phần GDQP&AN cho người học và gửi kết quả về Nhà trường qua đơn vị quản lý đào tạo.

## 1.2. Đối với các học phần Giáo dục thể chất (GDTC)

1.2.1. Người học được xét miễn học môn học GDTC như sau:

- Người học tốt nghiệp cao đẳng, đại học chính quy theo chương trình của Bộ GD&ĐT được miễn các học phần Giáo dục Thể chất.

- Người học tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học thuộc nhóm ngành Thể dục Thể thao.

1.2.2. Người học được xét giảm học môn học GDTC như sau:

- Người học tốt nghiệp trung cấp được miễn học phần Giáo dục Thể chất 1, phải học học phần Giáo dục thể chất 2.

Người học chưa tích lũy đủ số tín chỉ GDTC thì phải học bù số tín chỉ còn thiếu để được công nhận hoàn thành kiến thức GDTC (*phụ lục 3*).

## 1.3. Đối với các học phần kiến thức Lý luận chính trị, Pháp luật đại cương

1.3.1. Đối với học phần Pháp luật đại cương

Người học được xét miễn học phần Pháp luật đại cương nếu đạt một trong các yêu cầu sau:

- Tốt nghiệp trình độ trung cấp Luật trở lên hoặc tương đương (Trung cấp Cảnh sát, Trung cấp An ninh, Trung cấp Kiểm sát trở lên,..).

- Tốt nghiệp đại học các ngành Chính trị học, Hành chính học, Quyền con người.

- Điểm của học phần là điểm TBC tốt nghiệp của ngành tương ứng.

1.3.2. Các học phần thuộc khối kiến thức Lý luận chính trị

Đối với các học phần khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, việc xét miễn và công nhận điểm học phần thực hiện như sau:

- Miễn một số học phần hoặc toàn bộ các học phần thuộc khối kiến thức Lý luận chính trị với điều kiện: đã tốt nghiệp trung cấp, cao cấp Lý luận chính trị, cử nhân đại học các ngành Triết học, Chính trị học, Kinh tế chính trị, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử

*lu* ✓

Đảng CSVN, Tư tưởng Hồ Chí Minh. Những người đã học các học phần Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin phần 1; Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin phần 2; Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh

- Người học có bằng tốt nghiệp cao đẳng, đại học tại các trường đại học của Việt Nam hoặc các trường liên kết đào tạo mở tại Việt Nam và đã tích lũy các học phần khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh;

- Việc xét miễn giảm các học phần khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (*tại phụ lục 4*)

### 1.3.3. Đối với học viên sau đại học

Học viên có bằng Cao cấp Lý luận chính trị nếu đã tích lũy học phần Triết học Mác Lênin có số tín chỉ đạt từ **90% trở lên** so với số tín chỉ học phần Triết học Mác Lênin quy định trong CTĐT sau đại học của ngành thì được xét miễn.

1.4. Đối với các học phần ngoại ngữ thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương (GDĐC): Đối với các học phần ngoại ngữ thuộc khối kiến thức GDĐC, việc xét miễn như sau:

1.4.1. Các học phần ngoại ngữ thuộc khối kiến thức GDĐC đối với đào tạo chuyên ngành tiếng Anh.

Người học có các chứng chỉ tiếng Anh IELTS, TOEFL iBT, Cambridge Test hoặc CEFR được miễn học, kiểm tra, đánh giá các học phần Kỹ năng nghe nói, Kỹ năng đọc viết và được quy đổi điểm theo quy định (*tại phụ lục 1*).

Việc xét miễn môn được thực hiện ngay sau khi sinh viên nhập học, không xem xét bổ sung trong quá trình học tại Trường. Nếu người học có chứng chỉ theo quy định trong quá trình học thì sẽ được xét miễn thi đánh giá đầu ra nếu chứng chỉ ngoại ngữ còn thời hạn sử dụng tính đến thời điểm xét.

Người học được miễn thi đánh giá đầu ra khi có một trong các chứng chỉ sau đây: IELTS 7.0, TOEFL iBT 94, Cambridge test CAE-B, hoặc CEFR C1.

Đối với sinh viên chuyên ngành tiếng Anh, nếu có chứng chỉ ngoại ngữ 2 (tiếng Pháp) được quy về khung tham chiếu châu Âu CEFR và quy đổi điểm, miễn thi học phần và thi chuẩn đầu ra ngoại ngữ 2. Các học phần Tiếng Anh chuyên ngành, sinh viên không được xem xét miễn học, miễn thi mà phải học và thi theo quy định.

1.4.2. Các học phần ngoại ngữ thuộc khối kiến thức GDĐC đối với đào tạo không chuyên ngành tiếng Anh.

Người học được xét miễn và công nhận điểm các học phần tiếng Anh thuộc khối kiến thức GDĐC đối với đào tạo không chuyên nếu có một trong những điều kiện sau:

- Có chứng chỉ ngoại ngữ TOEFL iBT, IELTS, Cambridge Test, CEFR, nộp vào đầu khóa học, sẽ được miễn học và thi các học phần tiếng Anh tương đương nếu chứng chỉ ngoại ngữ còn thời hạn sử dụng (24 tháng) tính đến thời gian bắt đầu học phần. Điểm quy đổi (*phụ lục 1*).

- Có bằng đại học ngoại ngữ hoặc bằng đại học, cao đẳng của CTĐT dạy bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp được miễn học các học phần ngoại ngữ đại cương.

- Trước khi xét tốt nghiệp, nếu người học có chứng chỉ ngoại ngữ đạt tối thiểu TOEFL iBT: 40 điểm, IELTS: 4.5 điểm, Cambridge Test: PET, CEFR bậc B1 và còn thời hạn sử dụng (24 tháng) tính đến thời điểm xét tốt nghiệp, thì sẽ được miễn thi đầu ra.

- Những trường hợp đặc biệt khác khoa đào tạo phối hợp với đơn vị quản lý đào tạo đề xuất Hiệu trưởng xem xét, quyết định.

#### 1.4.3. Đối với học viên cao học.

Đối với đào tạo trình độ thạc sĩ, học viên được miễn học học phần ngoại ngữ và được quy đổi điểm ngoại ngữ theo quy định, khi đáp ứng một trong những điều kiện về trình độ ngoại ngữ như sau:

- a) Có bằng tốt nghiệp đại học ngoại ngữ tiếng Anh, Đức, Pháp, Nga, Trung, Nhật;
- b) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;
- c) Có bằng tốt nghiệp đại học các chương trình tiên tiến mà ngôn ngữ dùng trong toàn bộ chương trình đào tạo là tiếng nước ngoài không qua phiên dịch;
- d) Có chứng chỉ tiếng Anh tối thiểu đạt: TOEFL iBT: 45; IELTS: 5.0, TOEIC: 550, Cambridge Test: FCE, BEC: Business Vantage, BULATS: 60, CEFR: B2, Chứng chỉ tiếng Anh Bậc 4/6 (Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam) hoặc các chứng chỉ tiếng Đức, Nhật, Trung, Pháp, Nga do các trung tâm khảo thí quốc tế có thẩm quyền cấp hoặc do các cơ sở đào tạo ngoại ngữ được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ công nhận tương đương trình độ tiếng Anh trong thời hạn 2 năm, tính từ ngày cấp chứng chỉ cho đến ngày nộp luận văn đề nghị bảo vệ (*phụ lục 1*).

Nếu trong Chương trình đào tạo có học phần Tiếng Anh chuyên ngành thì học viên vẫn phải học và thi theo quy định.

Việc xác định điểm học phần ngoại ngữ trong CTĐT thực hiện theo (*phụ lục 1*).

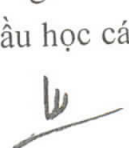

#### 1.4.4. Đăng kí xét miễn học, miễn thi các học phần và chuẩn đầu ra ngoại ngữ.

##### 1.4.4.1. Miễn học và thi các học phần tiếng Anh thuộc khối kiến thức GDĐC

Người học nộp đơn xin miễn học miễn thi các học phần tiếng Anh ngay khi học kì đầu tiên của năm thứ nhất bắt đầu (tuần 1 đến tuần 3) (theo mẫu) và chứng chỉ tiếng Anh theo quy định còn hạn sử dụng, hội đồng xét miễn môn sẽ xem xét và quyết định. Lưu ý: Nếu trong quá trình học, người học nộp chứng chỉ thì sẽ không được xét miễn học và quy đổi điểm các học phần tương đương.

Nếu người học chuyển từ trường khác về học tại trường đại học Hồng Đức thì sẽ được xét miễn môn vào thời điểm chậm nhất 2 tuần sau khi sinh viên bắt đầu học các học phần Kỹ năng nghe nói và Kỹ năng đọc viết.

##### 1.4.4.2. Miễn thi và xét chuẩn đầu ra



Người học nộp đơn xin miễn thi và xét chuẩn đầu ra (theo mẫu) và chứng chỉ tiếng Anh (hoặc bản phô tô công chứng) theo quy định còn hạn sử dụng đến ngày xét tốt nghiệp, Hội đồng xem xét và quyết định.

*Lưu ý:* Các chứng chỉ được công nhận đưa vào xét miễn học phần, miễn thi chuẩn đầu ra là các chứng chỉ được cấp bởi các cơ sở khảo thí tại *Bảng 4, phụ lục 1.*

#### 1.5. Đối với học phần tin học thuộc khối kiến thức GDĐC

Người học được xét miễn và công nhận điểm học phần tin học thuộc khối kiến thức GDĐC như sau: Có bằng tốt nghiệp trung cấp tin học hoặc cao đẳng, đại học các ngành thuộc nhóm ngành khoa học máy tính và công nghệ thông tin. Điểm quy đổi là điểm của học phần Tin học (nếu có); Nếu bằng điểm không có học phần Tin học, điểm quy đổi là điểm TBC học tập của toàn khóa.

#### 1.6. Đối với các học phần Tâm lý học, Giáo dục học

Người học được xét miễn và công nhận điểm các học phần Tâm lý học, Giáo dục học (tại phụ lục 5)

### 2. Đối với các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành

Đối với học phần thuộc khối kiến thức chung, học phần tự chọn trong kiến thức cơ sở ngành, xem xét miễn, giảm cho người học dựa vào các học phần tương đương, học phần thay thế mà người học đã học ở CTĐT trước.

Người học đào tạo liên thông, văn bằng đại học thứ 2 khối ngành đào tạo giáo viên được miễn học phần kiến tập sư phạm.

Trường hợp người học tại Trường Đại học Hồng Đức đăng ký học lại học phần mà học phần này không còn trong CTĐT hiện hành. Khoa đào tạo đề xuất học phần thay thế gửi về Nhà trường (qua đơn vị quản lý đào tạo) để có phương án ghép lớp, mở lớp đặc thù cho người học.

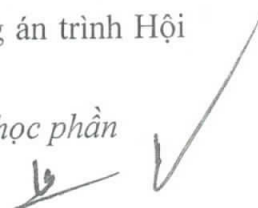
Những trường hợp không nằm trong phạm vi áp dụng của Quy định này sẽ được đơn vị quản lý đào tạo phối hợp với các khoa đào tạo xem xét trình Hiệu trưởng quyết định.

### Điều 5. Hồ sơ và trách nhiệm của các đơn vị.

#### 1. Hồ sơ xét miễn và công nhận điểm học phần

Người học khi đăng ký nộp hồ sơ tuyển sinh, nhập học nộp bản sao công chứng các bảng điểm hoặc các loại văn bằng, chứng chỉ còn giá trị (kèm bản chính để đối chiếu, kiểm tra) và đơn xin xét miễn môn (theo mẫu). Trong trường hợp nếu người học thiếu hồ sơ minh chứng như: *không có bảng điểm, bảng điểm không ghi rõ số ĐVHT, số tín chỉ,..* thì người học phải có xác nhận của cơ sở đào tạo về chương trình đã học. Trên cơ sở đó, các khoa đào tạo tổng hợp, phối hợp với đơn vị quản lý đào tạo đề xuất phương án trình Hội đồng xét miễn và công nhận điểm học phần Trường xem xét, giải quyết.

#### 2. Trách nhiệm của các đơn vị trong việc xét miễn và công nhận điểm học phần



- Nhà trường thành lập Hội đồng xét và công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng được miễn trừ cho người học của từng đợt tuyển sinh.

- Trường Khoa đào tạo chịu trách nhiệm thành lập Tổ xét miễn và công nhận điểm học phần của ngành đào tạo mà khoa quản lý.

- Các đơn vị quản lý học phần (thuộc khối kiến thức đại cương) trong CTĐT có trách nhiệm xem xét miễn và công nhận điểm học phần thuộc đơn vị quản lý.

- Đơn vị quản lý đào tạo chịu trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu kết quả xét miễn và công nhận điểm học phần do các đơn vị đào tạo đề xuất, báo cáo Hội đồng xét miễn Trường quyết định.

- Sau khi có kết quả của Hội đồng xét miễn và công nhận điểm học phần, đơn vị quản lý đào tạo gửi kết quả xét miễn và công nhận điểm học phần cho các đơn vị đào tạo và công bố trên website của Trường.

Đối với người học cần thực hiện như sau:

- Vào đầu khóa học, căn cứ vào CTĐT, người học có thể làm đơn đề nghị xét miễn và công nhận điểm học phần đối với các học phần đã tích lũy.

- Người học đào tạo LT, VLVH, VB2 phải nộp bảng điểm (bản sao công chứng) đã tích lũy ở CTĐT trước.

Nhà trường quy định cụ thể Quy trình xét và công nhận điểm học phần cho người học (Quyết định số 825/QĐ-ĐHHD ngày 29/6/2020);

#### **Điều 6. Xác nhận kết quả học tập sau khi hoàn thành chương trình đào tạo ngành**

Người học sau khi hoàn thành chương trình đào tạo của ngành, bậc, hình thức đào tạo sẽ được xác nhận kết quả học tập (nếu chưa được công nhận tốt nghiệp) hoặc Phụ lục văn bằng tốt nghiệp (nếu được công nhận tốt nghiệp) gồm: kết quả học tập các học phần đã được xét công nhận giá trị chuyển đổi và kết quả học tập các học phần đã tích lũy theo chương trình đào tạo ngành hiện hành.

#### **Điều 7. Điều khoản thi hành**

1. Các Đơn vị quản lý đào tạo, khoa đào tạo và các đơn vị trực thuộc Trường có trách nhiệm tổ chức thực hiện và đôn đốc cán bộ, giảng viên của đơn vị thực hiện nghiêm túc Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh, vướng mắc, các đơn vị tập hợp ý kiến báo cáo bằng văn bản về Hiệu trưởng (qua đơn vị quản lý đào tạo) để xem xét, giải quyết. ↘





**PHỤ LỤC 1**

**Các chứng chỉ ngoại ngữ và cấp độ được xét miễn học phần ngoại ngữ căn bản và bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ ngoại ngữ tương đương**  
(kèm theo QĐ số 108/QĐ-ĐHHD ngày 24 tháng 07 năm 2020  
của Hiệu trưởng Nhà trường ban hành Quy định xét miễn và công nhận điểm học phần)

**Bảng 1: BẢNG QUY ĐỔI CHI TIẾT ĐỀ XUẤT XÉT MIỄN MÔN**  
**Áp dụng cho sinh viên chuyên ngành tiếng Anh**

IELTS	TOEFL iBT	Cambridge TEST	CEFR	Điểm quy đổi cho các học phần cho học			
				KN nghe nói 1-KN đọc viết 1	KN nghe nói 2-KN đọc viết 2	KN nghe nói 3- KN đọc viết 3	KN nghe nói 4-KN đọc viết 4
9.0	114-120	CPE-A	C2	10.0	10.0	10.0	10.0
8.5	106-113	CPE-B		10.0	10.0	10.0	10.0
8.0	100-105	CPE-C		10.0	10.0	10.0	10.0
7.5	97-99	CAE-A	C1	10.0	10.0	10.0	10.0
7.0	94-96	CAE-B		10.0	10.0	10.0	10.0
6.5	85-93	CAE-C		10.0	10.0	9.5	9.0
6.0	75-84	FCE-A	B2	10.0	10.0	9.0	8.5
5.5	65-74	FCE-B		10.0	10.0	8.5	8.0
5.0	45-64	FCE-C		10.0	10.0	8.0	7.5
4.5	44	PET-Distinction	B1	10.0	9.0	Không áp dụng	
	42-43	PET-Merit		10.0	8.0		
	40-41	PET-Pass		10.0	7.0		
4.0	38-39	KET-Distinction	A2	9.0	Không áp dụng		
	35-37	KET-Merit		8.0			

IELTS: International English Language Testing Service

TOEFL: Test of English as a Foreign Language

KET: Key English Test

PET: Preliminary English Test

Ngoại ngữ khác (Tiếng Trung, tiếng Nhật, tiếng Pháp, tiếng Đức vv...), quy về khung tham chiếu 6 bậc và tính theo

FCE: First Certificate in English

CAE: Certificate in Advanced English

CPE: Certificate of Proficiency in English



**Bảng 2**  
**BẢNG QUY ĐỔI CHI TIẾT ĐỀ XUẤT XÉT MIỄN MÔN**  
**Áp dụng cho sinh viên không chuyên ngành tiếng Anh**

IELTS	TOEFL iBT	Cambridge TEST	CEFR	Điểm quy đổi cho các học phần cho học		
				Tiếng Anh 1	Tiếng Anh 2	Tiếng Anh 3
8.5-9.0	106-120	CPE-A	C2	10.0	10.0	10.0
		CPE-B		10.0	10.0	10.0
7.0-8.0	94-105	CPE-C	C1	10.0	10.0	10.0
		CAE-A		10.0	10.0	10.0
		CAE-B		10.0	10.0	10.0
5.0-6.5	45-93	CAE-C	B2	10.0	10.0	10.0
		FCE-A		10.0	10.0	10.0
		FCE-B		10.0	10.0	10.0
		FCE - C		10.0	10.0	10.0
4.5	44	PET-Distinction	B1	10.0	10.0	10.0
	42-43	PET-Merit		10.0	10.0	9.0
	40-41	PET-Pass		10.0	9.0	8.0
4.0	38-39	KET-Distinction	A2	9.0	8.0	Không áp dụng
	35-37	KET-Merit		8.0	7.0	

IELTS: International English Language Testing Service

TOEFL: Test of English as a Foreign Language

KET: Key English Test

PET: Preliminary English Test

FCE: First Certificate in English

CAE: Certificate in Advanced English

CPE: Certificate of Proficiency in English

CEFR: Common European Framework of Reference for Languages



**Bảng 3**  
**BẢNG QUY ĐỔI CHI TIẾT ĐỀ XUẤT XÉT MIỄN MÔN**  
**Áp dụng cho học viên cao học**

IELTS	TOEFL iBT	Cambridge TEST	★ Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	TOEIC	BEC	BULLATS	CEFR	Điểm quy đổi cho các học phần cho học	
								Học phần tiếng Anh 1	Học phần tiếng Anh 2
5.5-9.0	70-120	FCE (B) - CPE	cấp độ 5 - cấp độ 6	600-900	Business Higher	65-100	C1-C2	10.0	10.0
			cấp độ 4		Business Vantage				
5.0	45-69	FCE (C)		550		60	B2		9.5
4.5	44	PET-Distinction	cấp độ 3	500	Business preliminary	50	B1	9.0	Không áp dụng
	42-43	PET-Merit		450		45		8.5	
	40-41	PET-Pass		450		40		8.0	

IELTS: International English Language Testing Service

TOEFL: Test of English as a Foreign Language

PET: Preliminary English Test

FCE: First Certificate in English

CAE: Certificate in Advanced English

**Các trường hợp khác:**

1 Học viên có bằng tốt nghiệp đại học ngoại ngữ tiếng Anh, Đức, Pháp, Nga, Trung, Nhật; Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành: được xét tương đương bậc 5 theo bảng trên.

2. Học viên có bằng tốt nghiệp đại học các chương trình tiên tiến mà ngôn ngữ dùng trong toàn bộ chương trình đào tạo là tiếng nước ngoài không qua phiên dịch: căn cứ vào chứng chỉ ngoại ngữ chuẩn đầu ra của chương trình đó, quy đổi theo bảng



**Bảng 4**  
**DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ CẤP CHỨNG CHỈ ĐƯỢC XÉT MIỄN HỌC, MIỄN THI**

STT	Loại chứng chỉ	Cơ sở cấp chứng chỉ được công nhận
1	IELTS: International English Language Testing Service	1. International Development Program (IDP) 2. British Council (BC)
2	TOEFL: Test of English as a Foreign Language	English Testing Service (ETS)
3	Cambridge Test	Cambridgeenglish
4	ECFR	Council of Europe
5	BULATS	Cambridgeenglish
6	TOEIC	English Testing Service (ETS)
7	BEC	Cambridgeenglish
8	Chứng chỉ Ngoại ngữ thuộc khung 6 bậc (Tính đến tháng 6 năm 2020)	1. Trường đại học Sư phạm TP.HCM 2. Trường đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế 3. Trường đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội 4. Trường đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng 5. Đại học Thái Nguyên 6. Trường đại học Cần Thơ 7. Trường đại học Hà Nội 8. Trường đại học Sư phạm Hà Nội 9. Trường đại học Vinh 10. Học viện An ninh nhân dân 11. Trường đại học Sài Gòn 12. Trường đại học Ngân hàng TP.HCM 13. Trường đại học Trà Vinh 14. Trường đại học Văn Lang



## PHỤ LỤC 2

Xét miễn giảm khối lượng kiến thức các môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQP&AN)

(kèm theo QĐ số 1081/QĐ-ĐHHD ngày 24 tháng 07 năm 2020

của Hiệu trưởng Nhà trường ban hành Quy định xét miễn và công nhận điểm học phần)

Loại hình đào tạo	Các học phần phải tích lũy			
Liên thông từ trình độ Trung cấp lên trình độ Đại học (học 90 tiết = 6 ĐVHT)		HP2 - Công tác quốc phòng và an ninh (30 tiết = 2 ĐVHT)		HP4 - Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật (60 tiết = 4 ĐVHT)
Đào tạo VLVH từ THPT (học 165 tiết = 11 ĐVHT)	HP1- Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam (45 tiết = 3 ĐVHT)	HP2 - Công tác quốc phòng và an ninh (30 tiết = 3 ĐVHT)	HP3 - Quân sự chung (30 tiết = 2 ĐVHT)	HP4 - Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật (60 tiết = 4 ĐVHT)

*Handwritten signature*



### PHỤ LỤC 3

#### Xét miễn giảm khối lượng kiến thức các học phần Giáo dục thể chất (GDTC)

(kèm theo QĐ số 1087/QĐ-ĐHHD ngày 4 tháng 07 năm 2020

của Hiệu trưởng Nhà trường ban hành Quy định xét miễn và công nhận điểm học phần)

Đối tượng được miễn giảm khối lượng kiến thức các học phần GDTC	Các học phần được miễn		Các học phần phải tích lũy	
Đại học chính quy	GDTC1	GDTC2	0	0
Cao đẳng chính quy	GDTC1	GDTC2	0	0
Trung cấp	GDTC1			GDTC2
Đại học VLVH từ THPT	0	0	GDTC1	GDTC2
Có chứng chỉ GDTC	GDTC1	GDTC2	0	0
Có bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học thuộc nhóm ngành thể dục thể thao	GDTC1	GDTC2	0	0
Có bảng điểm GDTC (đã học đủ 4 tín chỉ)	GDTC1	GDTC2	0	0

6





## PHỤ LỤC 4

**Xét miễn giảm khối lượng kiến thức các học phần kiến thức Lý luận chính trị**

(kèm theo QĐ số 1087/QĐ-ĐHĐ ngày 24 tháng 07 năm 2020

của Hiệu trưởng Nhà trường ban hành Quy định xét miễn và công nhận điểm học phần)

TT	Các loại văn bằng, chứng chỉ, học phần xét miễn	Học phần được miễn	Điểm miễn
<b>I</b>	<b>Đối với học phần Pháp luật đại cương ở trình độ đại học</b>		
1	Tốt nghiệp trung cấp các ngành: Luật, Cảnh sát, an ninh, Kiểm sát	Pháp luật đại cương	Điểm TBC tốt nghiệp
2	Tốt nghiệp đại học các ngành chính trị học, hành chính học, quyền con người	Pháp luật đại cương	Điểm TBC tốt nghiệp
3	Tốt nghiệp Trung cấp Lý luận chính trị, trong bảng điểm có học phần: Lý luận chung Nhà nước và Pháp luật	Pháp luật đại cương	Điểm học phần LL chung NN và PL
<b>II</b>	<b>Đối với các HP thuộc khối kiến thức Lý luận chính trị ở trình độ đại học</b>		
4	Tốt nghiệp: trung cấp, cao cấp lý luận chính trị; tốt nghiệp đại học các ngành: Triết học, Chính trị học, Kinh tế Chính trị, Chủ nghĩa Xã hội Khoa học, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh	Miễn toàn bộ các HP thuộc khối kiến thức Lý luận chính trị	Điểm học phần hoặc điểm TBC
5	Học phần: Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa mác Lênin 1	Triết học Mác Lênin	Điểm học phần
6	Học phần: Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa mác Lênin 2	Kinh tế chính trị Mác Lênin và Chủ nghĩa xã hội Khoa học	Điểm học phần
7	Học phần: Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Điểm học phần
<b>III</b>	<b>Đối với các HP thuộc khối kiến thức Lý luận chính trị ở trình độ cao học</b>		
8	Khối ngành KHXXH, KT - QTKD, đã học Cao cấp LLCT, trong bảng điểm tốt nghiệp có học phần Triết học Mác Lênin từ 90% của 4 tín chỉ trở lên.	Triết học Mác Lênin	Điểm học phần
9	Khối ngành KHTN, Kỹ thuật, đã học Cao cấp LLCT, trong bảng điểm tốt nghiệp có học phần Triết học Mác Lênin từ 90% của 3 tín chỉ trở lên.	Triết học Mác Lênin	Điểm học phần

*le*

**PHỤ LỤC 5**  
**Xét miễn giảm khối lượng kiến thức các học phần Tâm lý, Giáo dục thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương**  
 (kèm theo QĐ số 1081/QĐ-ĐHHD ngày 24 tháng 07 năm 2020  
 của Hiệu trưởng Nhà trường ban hành Quy định xét miễn và công nhận điểm học phần)



Loại hình đào tạo	Các học phần được miễn	Các học phần phải học tích lũy	Ghi chú
Liên thông từ trình độ Trung cấp lên trình độ Đại học	* Đối với ĐHGĐ Mầm non: 1/ Tâm lý học mầm non – 3TC 2/ Giáo dục học MN - 3TC	* Đối với ĐHGĐ Mầm non: 1/ Tâm lý học đại cương – 2TC 2/ Giáo dục học đại cương – 2TC 3/ PP nghiên cứu khoa học GD – 2TC 4/ Quản lý HC nhà nước & QLGD – 2TC	- Được miễn những học phần đã học trùng tên và tín chỉ với chương trình đại học hiện hành của ngành. - Phải bổ sung những học phần chưa học để có thể tích lũy đủ số tín chỉ và học phần tương đương CTĐT của ngành.
	* Đối với ĐHGĐ Tiểu học: 1/ Tâm lý học tiểu học – 4TC 2/ GDH tiểu học – 4TC	* Đối với ĐHGĐ Tiểu học: 1/ PP nghiên cứu khoa học GD – 2TC 2/ Quản lý HC nhà nước & QLGD – 2TC	
Liên thông từ trình độ cao đẳng lên trình độ Đại học	* Đối với ĐHGĐ Mầm non: 1/ Tâm lý học đại cương – 2TC 2/ Tâm lý học Mầm non – 3TC 3/ Giáo dục học đại cương – 2 TC 4/ Giáo dục học Mầm non - 3TC	* Đối với ĐHGĐ Mầm non: 1/ PP nghiên cứu khoa học GD – 2TC 2/ Quản lý HC nhà nước & QLGD - 2TC	
	* Đối với ĐHGĐ Tiểu học: 1/ Tâm lý học Tiểu học - 4TC 2/ Giáo dục học Tiểu học - 4TC	* Đối với ĐHGĐ Tiểu học: 1/ PP nghiên cứu khoa học GD - 2TC 2/ Quản lý HC nhà nước & QLGD - 2TC	
	* Đối với các ngành ĐHSP: 1/ Tâm lý học - 4TC 2/ Giáo dục học - 4TC	* Đối với các ngành ĐHSP: 1/ Quản lý HC nhà nước & QLGD - 2TC	

6